TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03-01-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Xuân** và ông **Trịnh Ngọc Thành**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hữu Huỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 20225 tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Trần Ngọc L-** sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai

Bị đơn: bà **Trần Thị Thu H -** sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

(ông Lương, bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn ông Trần Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Lvà bà H tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2021 và sinh sống tại xã L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Ông và bà H sống đến năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi cã, từ năm 2023 cho đến nay ông và bà H không còn sống chung với nhau. Nay không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Thu H.

Về con chung: ông và bà H có 02 con chung là Trần Ngọc B, sinh ngày 08/4/2022; Trần Ngọc M, sinh ngày 27/9/2023. Khi ly hôn ông Lcầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu cháu B, cháu M, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: không có, không yêu cầu

Về nợ chung: không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bà Trần Thị Thu H tại biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2023 như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà H thừa nhận bà và ông Ltự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2021, nhưng không đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền theo quy định, bà và ông Lsống chung với nhau đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường hay cãi vã. Nay tình cảm không còn, ông Lyêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và không công nhận là vợ chồng thì bà cũng chấp nhận.

Về con chung: bà và ông Lcó 02 con chung là Trần Ngọc B, sinh ngày 08/4/2022; Trần Ngọc M, sinh ngày 27/9/2023. Khi ly hôn bà H đồng ý giao 02 cháu B, M cho ông Lnuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con, bà H yêu cầu được quyền thăm nom, chám sóc con chung không được ai cản trở.

Về tài sản: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tống đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Ngọc Lvà bà Trần Thị Thu H.

Về con chung: giao 02 con chung là Trần Ngọc B, sinh ngày 08/4/2022; Trần Ngọc M, sinh ngày 27/9/2023 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: đương sự khai không có, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn bà Trần Thị Thu H hiện cư trú tại xã B, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ông Lyêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà H nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Ông Trần Ngọc L là nguyên đơn; bà Trần Thị Thu H là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Ông Lương, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Qua lời khai của đương sự cùng tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện ông Lương, bà H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2021 cho đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên xảy ra cãi vã, xung đột. Ông L, bà H hiện nay không còn chung sống với nhau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 "*nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng"*. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông Trần Ngọc L, bà Trần Thị Thu H là vợ chồng.

[6] Về con chung: Ông Lương, bà H thỏa thuận giao hai cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 08/4/2022; Trần Ngọc M, sinh ngày 27/9/2023 cho ông Ltrực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời bà H không cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản và nợ chung: Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí: Ông Trần Ngọc Llà người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQ14 ngày 30/12/2016.

Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tân Phú là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, điều 14, khoản 3 Điều 53, 58 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016;

- Các điều 51, 56 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Không công nhận ông Trần Ngọc L và bà Trần Thị Thu H là vợ chồng.

2. Về nuôi con: giao hai con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 08/4/2022 và Trần Ngọc M, sinh ngày 27/9/2023 cho ông Ltrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, tạm thời bà H không phải cấp dưỡng nuôi con do ông L không yêu cầu. Bà Trần Thị Thu H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản, nợ chung: không có, nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Ông Trần Ngọc Llà người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Ông L, bà H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Lâm; UBND xã Phú Bình (để ghi vào sổ hộ tịch)
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tuấn